

THÔNG BÁO
Về kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

1 Tài sản bán đấu giá:

1. Quyền sử dụng đất thuộc thửa 123 tờ bản đồ số 06, có diện tích 313,2 m² tọa lạc tại xã Thạnh Phước, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (nay là xã Thạnh Phước, tỉnh Vĩnh Long).

Giá thẩm định cụ thể:

Đất trồng cây lâu năm: 163,2m² đơn giá: 1.933.912 đồng/m². Thành tiền: 315.614.438 đồng.

Đất thổ cư: 150 m² đơn giá: 2.143.912 đồng/m². Thành tiền: 321.586.800 đồng.

Vậy; Quyền sử dụng đất thuộc thửa 123 tờ bản đồ số 06, có diện tích 313,2 m² được thẩm định với giá là 637.201.238 đồng (Sáu trăm ba mươi bảy triệu hai trăm lẻ một ngàn hai trăm ba mươi tám đồng).

1.1. Quyền sử dụng đất thuộc thửa 333 tờ bản đồ số 06, có diện tích 376,9 m² (333-1, 332-1) tọa lạc tại xã Thạnh Phước, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (nay là xã Thạnh Phước, tỉnh Vĩnh Long), Giá thẩm định cụ thể:

Đất trồng cây lâu năm (ký hiệu 333-1): 360,3m² đơn giá: 1.933.912 đồng/m². Thành tiền: 696.788.494 đồng.

Đất trồng cây lâu năm (ký hiệu 332-1): 16,6 m² đơn giá: 1.933.912 đồng/m². Thành tiền: 32.102.939 đồng.

Vậy; Quyền sử dụng đất thuộc thửa 333 tờ bản đồ số 06, có diện tích 376,9m² được thẩm định với giá là 728.891.433đồng (Bảy trăm hai mươi tám triệu tám trăm chín mươi một ngàn bốn trăm ba mươi ba đồng).

2. Tài sản gắn liền với đất:

2.1. Nhà sửa xe có kết cấu: Móng cột bê tông cốt thép, tường bao che xây gạch 10cm, không vách ngăn, chưa sơn nước, quét vôi không trần, nền xi măng, mái tôn xi măng, có diện tích 28,50m². Giá thẩm định cụ thể: 28,50m² đơn giá: 2.685.410 đồng/m². Tỷ lệ hao mòn 50%. Thành tiền: 38.267.093 đồng (Ba mươi tám triệu hai trăm sáu mươi bảy ngàn không trăm chín mươi ba đồng).

2.2. Tiệm nail: cột gỗ tạp, vách tôn (01 vách cùng vách tường nhà sửa xe), không vách ngăn không trần, nền xi măng mái tôn tráng kẽm. có diện tích 13,5m². Giá thẩm định cụ thể: 13,50m² đơn giá: 1.630.000 đồng/m². Tỷ lệ hao mòn 50%. Thành tiền: 11.002.500đồng (Mười một triệu không trăm lẻ hai ngàn năm trăm đồng).

2.3. Nhà chính: Móng cột bê tông cốt thép, tường ngăn, tường bao che xây gạch 10cm, chưa sơn nước, quét vôi, nền xi măng, không trần, mái tôn firoximăng, diện tích 51,20m². Giá thẩm định cụ thể: 51,20m² đơn giá: 2.685.410 đồng/m². Tỷ lệ hao mòn 50%. Thành tiền: 68.746.496 đồng (Sáu mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi sáu ngàn bốn trăm chín mươi sáu đồng).

2.4. Nhà sau: cột bê tông + gỗ chôn, vách tôn, không vách ngăn, không trần, nền xi măng, mái tôn firoximăng, diện tích 22,40m². Giá thẩm định cụ thể: 22,40m² đơn giá: 1.594.000 đồng/m². Tỷ lệ hao mòn 50%. Thành tiền: 17.852.800 đồng (Mười bảy triệu tám trăm năm mươi hai ngàn tám trăm đồng).

2.5. Ống hồ tròn: 06 cái loại 4m³/ống. Giá thẩm định cụ thể: 24m³ đơn giá: 1.127.000 đồng/m³. Tỷ lệ hao mòn 20%. Thành tiền: 21.638.400 đồng (Hai mươi một triệu sáu trăm ba mươi tám ngàn bốn trăm đồng).

2.6. Mái che trước nhà sửa xe, nhà nail mái tôn, nền xi măng, diện tích 23,6m². Giá thẩm định cụ thể: 23,60m² đơn giá: 428.000 đồng/m². Tỷ lệ hao mòn 60%. Thành tiền: 4.040.320 đồng (Bốn triệu không trăm bốn mươi ngàn ba trăm hai mươi đồng).

2.7. Mái che nhà sau sửa xe: mái tôn, nền xi măng, diện tích 14m². Giá thẩm định cụ thể: 14.0 m² đơn giá: 428.000 đồng/m². Tỷ lệ hao mòn 60%. Thành tiền: 2.396.800đồng (Hai triệu ba trăm chín mươi sáu ngàn tám trăm đồng).

***Tổng giá trị tài sản được thẩm định (1+2) với giá đã làm tròn là: 1.530.037.000đồng (Một tỷ, năm trăm ba mươi triệu, không trăm ba mươi bảy ngàn đồng).**

2.8 .Giá khởi điểm: **1.530.037.000đồng (Một tỷ, năm trăm ba mươi triệu, không trăm ba mươi bảy ngàn đồng).**

3. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn: Công ty Đấu giá hợp danh Đông Nam, địa chỉ số 56 Hiền Vương, phường Phú Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng số điểm: 91,0 điểm.

4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm kèm theo lý do (nếu có): Không có.

5. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): Không có.

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn)

TT	NỘI DUNG	Công ty Đấu giá hợp danh Đông Nam	Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Vĩnh Long
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0	19,0
1.	<i>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</i>	10,0	10,0

1.1	<i>Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc</i>	5,0	5,0
1.2	<i>Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện</i>	5,0	5,0
2.	<i>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</i>	5,0	5,0
2.1	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>	2,0	2,0
2.2	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>	3,0	3,0
3.	<i>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên</i> <i>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp</i>	2,0	2,0
4.	<i>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</i>	1,0	1,0

5.	<i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i>	1,0	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả	16,0	16,0
1.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>	4,0	4,0
1.1	<i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0	2,0
1.2	<i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0	2,0
2.	<i>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</i>	4,0	4,0
3.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</i>	4,0	4,0
3.1	<i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>	2,0	2,0
3.2	<i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>	2,0	2,0
4.	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</i>	4,0	4,0

IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	56,0	55,75
1.	<i>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) (Chỉ chọn chấm một trong các tiêu chí)</i>	15,0	15,0
1.1	<i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>		
1.2	<i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>		
1.3	<i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>		
1.4	<i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>	15,0	15,0
2.	<i>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề (Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí)</i>	7,0	7,0
2.1	<i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i>		
2.2	<i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i>		
2.3	<i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i>		
2.4	<i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i>	7,0	7,0
3.	<i>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước</i>	7,0	7,0

	liền kề (Chỉ chọn chấm một trong các tiêu chí)		
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)		
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc		
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc		
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên	3,0	1,75
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0	
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của $B = (U \times 3) / Y$		1,75
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của $C = (V \times 3) / Y$		

5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với Doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) (Chỉ chọn chấm một trong các tiêu chí)	6,0	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 5 năm		
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm		
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0	
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên		7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	4,0	4,0
6.1	01 đấu giá viên		
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên		
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp đấu giá tư nhân	4,0	4,0
7.1	Dưới 05 năm		

7.2	<i>Từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>		
7.3	<i>Từ 10 năm trở lên</i>	4,0	4,0
8.	<i>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</i>	5,0	5,0
8.1	<i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>		
8.2	<i>Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>		
8.3	<i>Có từ 04 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	5,0	5,0
9.	<i>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, trừ thuế giá trị gia tăng</i>	5,0	5,0
9.1	<i>Dưới 50 triệu đồng</i>		
9.2	<i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>		
9.3	<i>Từ 100 triệu đồng trở lên</i>	5,0	5,0
V	<i>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</i>		
	Tổng số điểm	91,0	90,75

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện KSND khu vực 8- Vĩnh Long;
- Trang Thông tin điện tử THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Cổng Thông tin điện tử quốc gia về ĐGTS;
- Lưu: VT, HSTHA (CHV: Nguyễn Anh Dũng).

CHẤP HÀNH VIÊN

Nguyễn Anh Dũng